

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỌ XUÂN  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 348/2022/HNGĐ - ST  
Ngày: 16 - 12 - 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Minh Tiên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2022 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Đình P, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn X1, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Chị Lê Thị H, sinh năm 1984, nơi ĐKKHKT: Thôn X1, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Là người bị tuyên bố mất tích theo quyết định số 26/2022/QĐDS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 9 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là anh Nguyễn Đình P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa P và làm đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/7/2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm, thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sinh hoạt gia đình, nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không có hạnh phúc. Đến tháng 8/2016 chị H đã tự ý bỏ nhà đi khỏi địa P, không nói cho anh và gia đình biết. Từ khi chị H bỏ đi, anh và gia đình đã đi tìm kiếm nhiều nơi nhưng không có tin tức gì về chị H, nên anh có làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân giải quyết tuyên bố chị H mất tích. Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã đăng tin tìm kiếm chị H trên báo Nhân Dân và trên Đài tiếng nói Việt Nam theo quy định, nhưng vẫn không có tin tức gì về chị H, nên ngày 09/8/2022 Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết, tuyên bố chị Lê Thị H mất tích. Đến nay anh vẫn không có tin tức xác thực về chị H, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh P xác định vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 04/5/2001 và cháu Nguyễn Đình Thành N, sinh ngày 05/8/2004; Hiện nay các con đều đang ở với anh và đã trưởng thành, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh P xác định vợ chồng không có gì, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Lê Thị H là người đã bị Tòa án tuyên bố mất tích; Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa P nhưng không có tin tức gì về chị H, nên Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Về hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Đình P được ly hôn với chị Lê Thị H. Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 04/5/2001 và cháu Nguyễn Đình Thành N, sinh ngày 05/8/2004; các con đã trưởng thành, nên không xem xét. Về án phí: Anh Nguyễn Đình P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đình P khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với chị Lê Thị H, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn X1, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Bị đơn là chị Lê Thị H đã bị Tòa án tuyên bố là người mất tích, Quá trình giải quyết vụ án không có tin tức xác thực về chị H, nên căn cứ vào Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa; nguyên đơn là anh Nguyễn Đình P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình P và chị Lê Thị H tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện Thọ Xuân cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống tình cảm giữa vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nên từ tháng 8 năm 2016 chị H đã bỏ nhà đi biệt tích; Anh P đã tìm kiếm nhiều nơi, nhưng không có tin tức xác thực về chị H, nên có làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị H mất tích. Tại Quyết định số 26/2022/QĐDS-ST ngày 09/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân đã giải quyết tuyên bố chị Lê Thị H là người mất tích, cho đến nay vẫn không có tin tức xác thực về chị H đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Nay anh P có đơn yêu cầu giải quyết xin được ly hôn với chị Lê Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”*, nên chấp nhận yêu cầu của anh P, xử cho anh Nguyễn Đình P được ly hôn với chị Lê Thị H.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Đình P và chị Lê Thị H có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 04/5/2001 và cháu Nguyễn Đình Thành N, sinh ngày 05/8/2004. Hiện nay các con chung của vợ chồng đều đã trưởng thành; Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Anh Nguyễn Đình P xác định vợ chồng không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong khi chị Lê Thị H là người mất tích, không có lời khai trong hồ sơ, do đó không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Đình P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*1. Về hôn nhân:* Xử cho anh Nguyễn Đình P được ly hôn với chị Lê Thị H.

*2. Về con chung:* Anh Nguyễn Đình P và chị Lê Thị H có 02 (hai) con chung là cháu Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 04/5/2001 và cháu Nguyễn Đình Thành N, sinh ngày 05/8/2004. Hiện nay các con chung đều đã trưởng thành; Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

*3. Về tài sản và công nợ:* Không xem xét.

*4. Về án phí:* Anh Nguyễn Đình P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh P đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014403 ngày 27/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, anh Nguyễn Đình P đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*5. Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Minh Tiến**

